

Bản án số: 354/2026/DS-ST

Ngày: 21-8-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sỹ Danh Huệ và bà Đỗ Thị Thúy Nga

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Tuấn Minh - Thư ký Toà án.

- *Đại diện VKSND khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị C - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10-Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 274/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-DS ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 26/6/1974; số CCCD: 001174004048; cấp ngày 01/5/2021; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Xuân Đ, sinh ngày 06/8/1966; số CCCD: 001066011522; cấp ngày 18/3/2026; có mặt.

Địa chỉ: Số nhà A đường Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Y, xã P, thành phố Hà Nội. Có đơn xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Y, xã P, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bà Kiều Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà A đường Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội. Có ý kiến xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà A đường Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Hoàng Xuân Đ không có quan hệ anh em họ hàng gì mà quen biết nhau do cùng đi làm từ thiện. Vào năm 2021, ông Đ có nói với bà cần tiền để cho con ông Đào Đ1 xuất khẩu lao động nhưng ông Đ không có khả

năng vay Ngân hàng nên ông Đ nhờ bà vì biết bà là giáo viên đứng lên vay Ngân hàng giúp ông Đ sẽ dễ hơn. Ông Đ hứa với bà chỉ sau 02 tháng sẽ hoàn lại tiền cho bà. Do tin tưởng ông Đ vì cùng là người đi từ thiện nên bà đứng lên vay Ngân hàng rồi cho ông Đ vay lại số tiền cụ thể:

Ngày 01/8/2021, bà cho ông Đ vay số tiền 50 triệu đồng, thời hạn từ 01/8/2021 đến ngày 01/8/2022 với lãi suất 0,9%/tháng. Việc vay mượn có lập giấy vay tiền tại nhà ông Đ. Ông Đ là người viết giấy và trực tiếp nhận tiền. Việc vay tiền và lập giấy chỉ có bà và ông Đ biết và ký ngoài ra không còn ai khác.

Đến tháng 9 năm 2021, bà cho ông Đ vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 tháng với lãi suất 2%/tháng. Sau khi bà đưa tiền cho ông Đ thì ông Đ có trả được số tiền nợ gốc là 6.207.126 đồng nên đến ngày 13/9/2021 thì ông Đ viết giấy vay tiền cho bà với nội dung: Ông Đào vay của bà số tiền 93.792.874 đồng, thời hạn 02 tháng từ 13/9/2021 đến 13/11/2021. Việc vay mượn có lập giấy vay tiền tại nhà ông Đ. Ông Đ là người viết giấy và việc lập giấy chỉ có bà và ông Đ biết và ký ngoài ra không còn ai khác. Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 13/9/2021 không ghi lãi suất nhưng lãi suất giữa bà và ông Đ thỏa thuận của khoản vay này là 2%/tháng.

Việc quy định lãi suất là dựa vào việc bà đi vay ngân hàng, lãi suất bà phải chịu bao nhiêu với ngân hàng thì ông Đ phải chịu bấy nhiêu, điều này ông Đ biết và thừa nhận.

Sau khi bà cho ông Đ vay 2 khoản với tổng số tiền 150.000.000 đồng nhưng ông Đ chỉ trả được 6.207.126 đồng số tiền gốc của khoản nợ 100 triệu đồng. Sau đó mặc dù đến thời điểm trả nợ và đóng lãi nhưng ông Đ khát lần không trả. Khi ông Đ không trả thì bà gọi điện thoại, khi ông Đ không nghe thì dòng đã 5 năm trời từ năm 2021 đến năm 2026 cứ thứ 7 hàng tuần là bà xuống nhà ông Đ yêu cầu ông Đ phải trả tiền bà.

Số tiền bà cho ông Đ vay là bà đi vay riêng Ngân hàng mà chồng và các con của bà không biết. Khi bà cho ông Đ vay thì bà không nói cho chồng biết mà mãi sau này khi ông Đ không trả thì chồng bà mới biết. Bà cũng chỉ cho một mình ông Đ vay còn ông Đ sử dụng số tiền thế nào bà không biết nên bà cũng chỉ đòi một mình ông Đ.

Nay bà yêu cầu ông Đ phải trả bà số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 01/8/2021 và khoản vay ngày 13/9/2021 là 143.792.874 đồng và số tiền lãi của 02 khoản vay là 27.000.000 đồng (khoản vay ngày 01/8/2021) + 120.000.000 đồng (khoản vay ngày 13/9/2021) = 147.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Đ phải trả bà là: 290.792.874 đồng cùng tiền lãi phát sinh đến khi ông Đ thanh toán xong khoản nợ.

* Bị đơn ông Hoàng Xuân Đ có lời trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N

không có quan hệ anh em họ hàng gì mà quen biết nhau thông qua việc từ thiện cho các bệnh nhân ở bệnh viện Đ2. Sau khi quen biết được một thời gian do cần tiền nên ông có nhờ bà N vay hộ ông tiền rồi ông viết giấy nhận nợ với bà N. Trong năm 2021 ông vay bà N tổng số tiền là 150.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 01/8/2021 ông viết giấy vay bà N số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 1 năm từ ngày 01/8/2021 đến 01/8/2022, với lãi suất 0,9%/tháng. Việc vay có lập giấy vay tại nhà ông và ông là người viết cũng như người nhận tiền. Còn bà N ký bên cho vay đúng như giấy vay tiền mà bà N đã giao nộp cho Tòa án.

Đến tháng 9 năm 2021, ông vay tiếp bà N số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 tháng với lãi suất 2%/tháng. Đối với khoản vay này sau khi vay tiền bà N thì ông đã trả được số tiền nợ gốc là 6.207.126 đồng nên đến ngày 13/9/2021 thì bà N bảo ông viết giấy vay tiền với nội dung: Ông vay của bà N số tiền 93.792.874 đồng, thời hạn 02 tháng từ 13/9/2021 đến 13/11/2021. Việc vay mượn có lập giấy vay tiền tại nhà ông. Ông là người viết giấy và việc lập giấy chỉ có ông và bà N biết và ký ngoài ra không còn ai khác. Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 13/9/2021 không ghi lãi suất nhưng lãi suất giữa ông và bà N thỏa thuận của khoản vay này là 2%/tháng bằng lãi suất mà bà N đi vay công ty.

Toàn bộ số tiền ông vay bà N thì ông sử dụng vào việc riêng của mình, vợ và các con của ông không biết, không sử dụng vào số tiền này nên không có liên quan. Do việc làm ăn khó khăn nên sau khi vay tiền bà N mặc dù đến thời hạn trả nợ nhưng ông mới chỉ trả được cho bà N số nợ gốc 6.207.126 đồng của khoản vay 100 triệu đồng còn tiền lãi thì ông chưa trả được một đồng nào. Bà N đã rất nhiều lần đến nhà ông yêu cầu ông trả số tiền gốc và lãi như và N trình bày là đúng thì ông vẫn hứa và đồng ý trả bà N nhưng cho ông một thời gian để thu xếp.

Nay bà N yêu cầu ông phải trả bà N số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 01/8/2021 và khoản vay ngày 13/9/2021 là 143.792.874 đồng và số tiền lãi của 02 khoản vay là 27.000.000 đồng (khoản vay ngày 01/8/2021) + 120.000.000 đồng (khoản vay ngày 13/9/2021) = 147.000.000 đồng. Tổng số tiền ông phải trả bà N là 290.792.874 đồng thì ông xác nhận đúng là ông nợ bà N số tiền này nhưng do hoàn cảnh của ông đang khó khăn nên ông xin được trả tiền gốc còn tiền lãi thì ông xin.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T có lời trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N, việc bà N đi làm từ thiện thì ông có biết. Còn việc bà N quen với ông Hoàng Xuân Đ và vay tiền Ngân hàng hay vay tiền Công ty tài chính rồi cho ông Đ vay tiền thì ông không biết. Nay bà N khởi kiện ông Hoàng Xuân Đ đến Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội đòi số tiền ông Đ vay thì đề nghị ông Đ có trách nhiệm trả bà N số tiền nợ như yêu cầu của bà N.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án thì ông đề nghị Tòa án giao cho bà N. Ông đồng ý ủy quyền cho bà N thay mặt ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thay mặt ông giải quyết toàn bộ vụ việc tại Tòa án. Ông xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và cả phiên tòa xét xử.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị L có lời trình bày:* Bà là chồng của ông Hoàng Xuân Đ, việc ông Đ quen biết và vay tiền của bà Nguyễn Thị N thế nào thì bà không được biết. Bà thừa nhận có thấy bà N đến nhà nói chuyện với bà và yêu cầu ông Đ trả tiền. Nay bà N có đơn khởi kiện ông Đ thì bà có quan điểm: Việc ông Đ vay tiền bà N là tiền vay riêng của ông Đ, bà và các con không biết cũng như không sử dụng vào số tiền này nên bà N yêu cầu thì một mình ông Đào P giải quyết. Bà xin được ủy quyền cho ông Đ thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đại diện cho bà trước Tòa án. Bà xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và kể cả phiên tòa xét xử.

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có ý kiến:* Bà không đồng ý miễn tiền lãi cho ông Đ vì từ khi bà vay Ngân hàng hay Công ty tài chính để cho ông Đ vay tiền thì ông Đ biết hàng tháng bà phải trả tiền lãi với lãi suất như vậy và từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2026 tháng nào bà cũng đến nhà yêu cầu ông Đ để yêu cầu ông Đ trả bà tiền gốc và lãi nhưng ông Đ khất lần không trả. Từ đó bà yêu cầu ông Hoàng Xuân Đ phải trả bà toàn bộ tiền gốc của 02 khoản vay, còn về số tiền lãi thì bà yêu cầu cụ thể:

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 01/8/2021 thì bà yêu cầu ông Đ phải chịu lãi suất từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử.

Đối với khoản vay 93.792.874 đồng ngày 13/9/2021 thì bà yêu cầu ông Đ phải chịu lãi suất 12%/năm tính từ ngày 13/9/2021 đến ngày xét xử.

Ngoài ra ông Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn ông Hoàng Xuân Đ có ý kiến: Ông thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị N số nợ gốc và số nợ lãi như bà N trình bày. Đúng là từ sau khi hết thời hạn theo giấy vay tiền thì từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2026 tháng nào bà N cũng đến yêu cầu ông phải trả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, do khó khăn nên ông xin thời gian để thu xếp trả bà N số tiền trên. Nay được Hội đồng xét xử phân tích tại phiên tòa thì ông đồng ý trả bà N số tiền gốc và số tiền lãi của cả 02 khoản vay theo lãi suất như bà N đã đưa ra tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cũng như quá trình điều tra, thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Tại phiên tòa bà N giữ nguyên yêu cầu về số tiền gốc, yêu cầu tính số tiền lãi nhưng thay đổi yêu cầu về

lãi suất và ông Đ đã đồng ý trả số nợ gốc, số nợ lãi theo lãi suất mà bà N yêu cầu. Từ đó, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Hoàng Xuân Đ là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Đ.

Trả lại bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Xuân Đ trả số tiền đã vay theo các giấy vay tiền ngày 01/8/2021 và ngày 13/9/2021 cùng tiền lãi phát sinh. Ông Hoàng Xuân Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A đường Đ, thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp nêu trên thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Văn T và bà Kiều Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Xuân Đ tham gia tố tụng; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người này có mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu do nguyên đơn xuất trình cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định: Ông Hoàng Xuân Đ có ký kết giấy vay tiền ngày 01/8/2021, thời hạn 01 năm (01/8/2022) với số tiền vay 50.000.000 đồng và ngày 13/9/2021, thời hạn 02 tháng (13/11/2021) với số tiền vay 93.792.874 đồng.

Quá trình vay khi đến hạn trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và nợ lãi theo đúng thỏa thuận giữa bà N, ông Đ và theo giấy vay tiền nên bà Nguyễn Thị N đã đến nhà ông Đ nhiều lần để đòi số tiền gốc và lãi. Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện đòi nợ ông Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo các giấy vay tiền thì thời hạn để ông Đ trả tiền gốc và lãi đối với khoản vay ngày 01/8/2021 là ngày 01/8/2022, đối với khoản vay ngày 13/9/2021 là ngày 13/11/2021. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hoàng Xuân Đ không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để từ chối giải quyết yêu cầu của bà N. Theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 thì

Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Mặt khác, ông Đ còn nhiều lần xác nhận nghĩa vụ trả nợ của mình. Cụ thể, ông Đ thừa nhận sau khi hết thời hạn vay, từ năm 2021 đến tháng 5 năm 2026, năm nào bà N cũng đến yêu cầu ông Đào T1 nợ; ông Đ thừa nhận mình còn nợ và đều xin thêm thời gian để trả. Tại phiên tòa ông Đ tiếp tục thừa nhận nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi mà bà N yêu cầu, chỉ xin được trả dần số tiền gốc, số tiền lãi.

Các lời khai trên thể hiện ông Đ đã thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với bà N. Do đó cần xem xét về bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với yêu cầu của bà N.

[2.2] Về khoản nợ gốc: Bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Xuân Đ phát sinh quan hệ vay tiền từ tháng 08 đến tháng 9 năm 2021 với tổng số tiền gốc 150.000.000 đồng trong đó ngày 01/8/2021 với số tiền 50.000.000 đồng và tháng 9 năm 2021 với số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay số tiền 100.000.000 đồng thì ông Đ đã trả được cho bà N số tiền nợ gốc 6.207.126 đồng và bà N yêu cầu ông Đ phải viết giấy vay tiền ngày 13/9/2021 với số tiền nợ gốc 93.792.874 đồng. Nay bà N yêu cầu ông Đ phải trả bà số nợ gốc của 02 giấy vay tiền ngày 01/8/2021 và ngày 13/9/2021 với tổng số tiền 143.792.874 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà N cho ông Đ vay tiền với số tiền gốc trên là thực, điều này không những thể hiện qua tài liệu chứng cứ là các giấy vay tiền mà bản thân ông Đ thừa nhận về số nợ này. Bản thân ông Đ cũng thừa nhận sau khi các khoản vay đến hạn, bà N nhiều lần đến yêu cầu ông trả nợ và ông đều xin thêm thời gian để thu xếp trả nợ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Xuân Đ có quan hệ hợp đồng vay tài sản; ông Đ đã nhận tiền vay nhưng khi đến hạn ông Đ không trả. Do đó, yêu cầu của bà N buộc ông Hoàng Xuân Đ thanh toán số tiền gốc còn lại là 143.792.874 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi đối với khoản vay ngày 01/8/2021:

Đối với khoản vay ngày 01/8/2021 theo giấy vay tiền thể hiện ông Đ vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn 01 năm. Mức lãi suất này tương đương 10,8%/năm phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu tính lãi đối với khoản vay này từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử với mức 0,9%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi suất các bên thỏa thuận và không vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc dù từ ngày 02/8/2022 ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và về nguyên tắc phải chịu lãi trên nợ gốc quá hạn theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức 0,9%/tháng, thấp hơn mức lãi suất quá

hạn theo quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo mức lãi suất 0,9%/tháng trong phạm vi yêu cầu. Cụ thể:

+ Tiền nợ lãi: Số tiền lãi ông Đ phải trả bà N tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày 21/8/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) được áp dụng mức lãi suất 0,9%/tháng là $05 \text{ năm} \times 20 \text{ ngày} = 10,8\%/\text{năm} \times 5 \text{ năm} \times 50.000.000 \text{ đồng} + (10,8\% : 365 \text{ ngày}) \times 20 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} = 27.295.890 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi ông Đ phải trả bà N đối với khoản nợ ngày 01/8/2021 là 27.295.890 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

[2.4] Về tiền lãi đối với khoản vay ngày 13/9/2021:

Đối với khoản vay ngày 13/9/2021 bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Hoàng Xuân Đ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 13/9/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 12%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù các bên thông nhất có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tương đương 24%/năm nhưng theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó, phần lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mức lãi suất tính lãi đối với khoản nợ này từ ngày 13/9/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 12%/năm. Hội đồng xét xử thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và không vượt quá mức lãi suất tối đa được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc dù, từ ngày 14/11/2021 ông Đào không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn và theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có căn cứ xác định nghĩa vụ chịu lãi trên nợ gốc quá hạn nhưng nguyên đơn không yêu cầu áp dụng mức lãi suất quá hạn cao hơn mà chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 12%/năm. Điều này có lợi cho bị đơn và bảo đảm nguyên tắc Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N tính tiền lãi đối với khoản nợ gốc 93.792.874 đồng với mức lãi suất 12%/năm từ ngày 13/9/2021 đến ngày 21/8/2026. Cụ thể:

+ Tiền nợ lãi: Số tiền lãi ông Đ phải trả bà N tính từ ngày 13/9/2021 đến ngày 21/8/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) được áp dụng mức lãi suất 12%/năm là $04 \text{ năm} \times 11 \text{ tháng} \times 8 \text{ ngày} = 12\%/\text{năm} \times 4 \text{ năm} \times 93.792.874 \text{ đồng} + (12\% : 12 \text{ tháng}) \times 11 \text{ tháng} \times 93.792.874 \text{ đồng} + (12\% : 365 \text{ ngày}) \times 8 \text{ ngày} \times 93.792.874 \text{ đồng} = 55.584.483 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi ông Đ phải trả bà N đối với khoản nợ ngày 13/9/2021 là 55.584.483 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng).

Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi của 02 khoản vay tính đến ngày 21/8/2026 là: $143.792.874 \text{ đồng} + 27.295.890 \text{ đồng} + 55.584.483 \text{ đồng} = 226.673.247 \text{ đồng}$ (Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

[3]. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông **Vũ Văn T** là chồng của bà **N** không biết và không liên quan đến việc của bà **N** đi vay tiền rồi cho ông **Đ** vay tiền lại. Mặt khác, ông **T** xác định đây là khoản tiền riêng của bà **N** nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét nghĩa vụ của ông **Đ** đối với bà **N**.

Bà **Kiều Thị L** là vợ của ông **Hoàng Xuân Đ** không biết việc vay nợ giữa ông **Đ** và bà **N**, cũng như không sử dụng số tiền ông **Đ** vay. Ông **Đ** thừa nhận vợ và các con của ông không biết không có liên quan. Mặt khác bà **N** cho ông **Đ** vay nên chỉ biết ông **Đ** và yêu cầu ông **Đ** phải trả bà nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của bà **L**.

[4]. Về án phí: Ông **Hoàng Xuân Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên đến thời điểm xét xử ông **Đ** đã hơn 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông **Đ**.

Trả lại bà **Nguyễn Thị N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, đối với khoản tiền còn phải thi hành, ông **Hoàng Xuân Đ** còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản Điều 157; khoản 1 Điều 351; Điều 400; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị N** đối với ông **Hoàng Xuân Đ**.

Buộc ông **Hoàng Xuân Đ** có nghĩa vụ trả bà **Nguyễn Thị N** số tiền gốc 143.792.874 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng) và số tiền lãi 82.880.373 đồng (**T2** mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng). Tổng là 226.673.247 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người có yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2-016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông **Hoàng Xuân Đ** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Trả lại bà **Nguyễn Thị N** số tiền 7.269.000 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002233 ngày 27/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị N** và ông **Hoàng Xuân Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông **Vũ Văn T** và bà **Kiều Thị L** có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trí Tuấn

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

